

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST
Ngày: 18-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bò Quốc Khánh.

Ông Võ Phi Anh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị Đ, vợ tên Nguyễn Thị Thu D1, có 03 người con (Không rõ năm sinh), tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Võ Văn H (Tên gọi khác: C), sinh năm 1969 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: cạo mủ cao su; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn A và bà Phạm Thị T (Đã chết), vợ tên Nguyễn Thị P; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2018, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Lê Hoàng H1, sinh năm 1981 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng K và bà Phan Kim T1, có 02 người con sinh năm 2006 và năm 2012, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Đỗ Văn N, sinh năm 1982 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp 1A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N1 và bà Nguyễn Thị L (Đã

chết); vợ tên Võ Thị Y1 N2, có 01 người con sinh năm 2010, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Nguyễn Văn P1 (Tên gọi khác: Cu), sinh năm 1987 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L1, tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 145/QĐ-XPVPHC ngày 24/9/2019 của Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (Chấp hành xong ngày 02/12/2019); nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Nguyễn Duy Q (Tên gọi khác: B), sinh năm 1992 tại Hà Nam. Nơi cư trú: Ấp 1A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T2 và bà Đỗ Thị T3, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Lê Quang Q1, sinh năm 1983 tại T13 Hóa. Nơi cư trú: Khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Q Ánh và bà Lê Thị N3, vợ tên Nguyễn Thị H2, có 02 người con sinh năm 2013 và năm 2016, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1993 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T5 và bà Hồ Thị Cà D2, vợ tên Đinh Thị Ngọc Y, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Nguyễn Ngọc V (Tên gọi khác: Tèo, Tèo đầu V), sinh năm 1986 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp V, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N4 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích L2; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2020 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

10. Võ Minh T6, sinh năm 1986 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành Đ1 và bà Trịnh Thị T7, vợ tên Trần Thị T8, có 02 người con sinh năm 2016 và năm 2020, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. Bùi T13 T9 (Tên gọi khác: B), sinh năm 1980 tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi T13 N5 (Đã chết) và bà Lê Thị Ngọc X vợ tên Trần Thị Tú A1, có 02 người con (Không rõ năm sinh),

tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. Đinh Thị Ngọc Y1, sinh năm 1995 tại Bình Phước. Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Cạo mủ cao su; trình độ học vấn: 11/12: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn T10 (Đã chết) và bà Lê Thị N6 chồng tên Nguyễn Văn T11; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018, tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Võ Vũ L3, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Văn T12, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp V, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn T13 Q2, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp 2A, xã P, huyện Phú G, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đức S1, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp 1A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

5. Bà Lê Thị N7, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp 7, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

6. Bà Trần Thị Huế T13 (Bảy T13), sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Bà Lê Thị R, sinh năm 1935. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

8. Ông Mai Tấn D3, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số A109C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

9. Bà Tạ Ngọc T14, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

10. Bà Võ Thị M, sinh năm 1962. Nơi cư trú: D145, Tổ 4, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

11. Bà Võ Thị Lan P2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

12. Ông Hồ Xuân V1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

13. Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Ông Huỳnh Văn N8, sinh năm 1971; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1975; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1989; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T4 và Đinh Thị Ngọc Y1 là vợ chồng cùng thuê lô cao su thanh lý thuộc ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, dựng chòi tạm trong lô để cạo mủ và buôn bán tạp hóa cho những người thuê lô cao mủ.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 26/3/2020, Đặng Hùng A2 gọi điện thoại rủ Nguyễn Duy Q, Đỗ Văn N, Lê Hoàng H1 đến chòi của Nguyễn Văn T4 để chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền. Nguyễn Duy Q điện thoại rủ Nguyễn Văn P1, Lê Hoàng H1 rủ Bùi Thanh T9 đến chòi của T4 để đánh bạc. Đặng Hùng A2, Nguyễn Duy Q, Đỗ Văn N, Lê Hoàng H1, Nguyễn Văn P1, Bùi Thanh T9 tập trung tại chòi của Nguyễn Văn T4. Đặng Hùng A2 sử dụng 01 cái nắp, 03 hột xí ngầu và 01 cái đĩa làm cái lắc tài xỉu (tài là tổng số chấm 3 hột xí ngầu từ 11 trở lên, còn xỉu là tổng số chấm 3 hột xí ngầu từ 10 trở xuống) để Nguyễn Duy Q, Nguyễn Văn P1, Đỗ Văn N, Bùi Thanh T9, Lê Hoàng H1 cá cược thắng thua bằng tiền mỗi ván từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng. Sau đó, Võ Minh T6, Nguyễn Văn C, Võ Văn H, Lê Quang Q1 cũng đến chòi của Nguyễn Văn T4 tham gia chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền với Đặng Hùng A2, Nguyễn Duy Q, Nguyễn Văn P1, Đỗ Văn N, Bùi Thanh T9 và Lê Hoàng H1.

Khi mọi người đang chơi tài xỉu thì Nguyễn Ngọc V mua thức ăn, nước suối đến chòi của Nguyễn Văn T4 để cho những người chơi tài xỉu ăn, uống và được Đặng Hùng A2 chia tiền thắng bao số tiền từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng. Đặng Hùng A2 đưa tiền bao cho Nguyễn Văn T4 giữ và nhờ T4 đưa lại cho Nguyễn Ngọc V. Nguyễn Văn T4 tiếp tục đưa cho Đinh Thị Ngọc Y1 cất giữ. Khi Y1 đưa tiền bao cho V thì V cho lại Y1 số tiền 700.000 đồng. Khoảng 20 giờ 00 phút, V điều khiển xe mô tô về trước. Khoảng 22 giờ 00 phút, Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bắt quả tang và qua làm việc xác định:

Bùi Thanh T9 mang theo số tiền 11.800.000 đồng, sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 1.800.000 đồng cất trong bóp không sử dụng đánh bạc. Qua trình chơi, T9 thua hết số tiền 1.270.000 đồng và bị thu giữ số tiền 10.530.000 đồng.

Võ Minh T6 sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Sau khi thua hết số tiền mang theo, T6 mượn T4 số tiền 1.000.000 đồng và kêu T4 đặt cược giùm cho T6. T4 thắng được số tiền 1.400.000 đồng thì đưa toàn bộ số tiền 2.400.000 đồng cho T6. T6 cho T4 số tiền 400.000 đồng, tiếp tục đánh thua hết số tiền 2.000.000 đồng.

Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 360.000 đồng để đánh bạc. Sau khi thua số tiền 360.000 đồng thì mượn H số tiền 2.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc, không thắng không thua và đã trả lại tiền cho H.

Võ Văn H sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, thua số tiền 300.000 đồng, bị thua giữ số tiền 700.000 đồng.

Lê Hoàng H1 sử dụng số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc. Sau khi thua hết thì mượn của T9 02 lần, mỗi lần số tiền 300.000 đồng để đánh bạc và thua hết.

Lê Quang Q1 sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Q1 thắng cược số tiền 1.000.000 đồng và bị thu giữ số tiền 2.500.000 đồng.

Nguyễn Văn P1 mang theo số tiền 1.790.000 đồng, P1 lấy ra số tiền 1.600.000 đồng để đánh bạc và thua hết, bị thu giữ số tiền 190.000 đồng.

Nguyễn Duy Q sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc và thua hết.

Đỗ Văn N mang theo số tiền 3.170.000 đồng, N lấy ra số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 170.000 đồng cất trong cặp không sử dụng đánh bạc. Quá trình chơi, N thua số tiền 100.000 đồng và bị thu giữ số tiền 3.070.000 đồng.

Nguyễn Ngọc V không thừa nhận việc thu tiền bảo từ Đặng Hùng A2, không thừa nhận việc gửi tiền cho T4 và cho tiền Y1. Nguyễn Ngọc V chỉ thừa nhận đánh bạc với số tiền 600.000 đồng và thua hết.

Nguyễn Văn T4 cùng Đinh Thị Ngọc Y1 để Đặng Hùng A2 chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền tại nơi mình dựng chòi bán tạp hóa. Y1 và T4 còn cho Đặng Hùng A2 mượn tám bát để trải cho những người ngồi chơi lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền, Y1 bán nước uống cho người chơi để lấy tiền lời.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Văn T4, Bùi Thanh T9, Nguyễn Văn C, Đỗ Văn N, Võ Văn H, Lê Quang Q1, Nguyễn Văn P1, Võ Minh T6, Nguyễn Duy Q, Lê Hoàng H1, Nguyễn Văn T4 và Đinh Thị Ngọc Y1.

Đặng Hùng A2 đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định truy nã, tách vụ án giải quyết sau.

Tại Bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-BTU ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố:

Bị cáo Nguyễn Văn T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H, Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N (Sáu Q), Nguyễn Duy Q (B), Lê Quang Q1, Nguyễn Văn P1, Võ Minh T6, Bùi Thanh T9 (Bảy) và Nguyễn Ngọc V (T, Tèo đầu V) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58, khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” và từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù về tội “Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 18 tháng tù đến 25 tháng tù.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 số tiền từ 50.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng.

Áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Quang Q1 số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Thanh T9 số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H, Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q, Võ Minh T6; mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với 01 tấm bạt màu xanh, 09 hột xì ngầu, 01 cái đĩa sứ; một nắp nhựa quán băng keo đen, 06 hột xì ngầu là công cụ sử dụng để đánh bạc, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng quán các hột xì ngầu, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 túi đeo màu đen, 01 bóp da, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Văn N và số tiền 170.000 đồng không liên quan đến vụ án, đề nghị trả lại cho bị cáo N.

Số tiền 100.000 đồng trên giường gần vị trí đánh bạc, không ai thừa nhận, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 6300 màu V thu giữ của Đỗ Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen thu giữ của Lê Hoàng H1, 01 điện thoại di động Nokia 1304 bị bể màn hình thu giữ của Nguyễn Văn P1 sử dụng vào phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu V, bị nứt màn hình và số tiền 1.800.000 đồng và 01 bóp da không liên quan đến phạm tội, đề nghị trả lại cho Bùi Thanh T9.

Số tiền 8.730.000 đồng thu giữ của bị cáo T9, số tiền 2.900.000 đồng thu giữ của bị cáo N, số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo H và số tiền 2.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Q1 sử dụng phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen không liên quan đến phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo Võ Minh T6.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Lê Hoàng Q1 số tiền 10.000 đồng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy Q 01 Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Duy Q và 01 bóp da; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P1 số tiền 190.000 đồng; trả lại cho bị cáo Lê Quang Q1 01 điện thoại Redmi màu đen; trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc V số tiền 79.473.000 đồng (Thu khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Ngọc V) và 01 điện thoại di động Iphone do không liên quan đến phạm tội.

Xe mô tô biển số: 61G1-347.58, số khung: RLHJA 2709 DY 008401, số máy: JS27E 0008858 do bà Tạ Ngọc T13 mua, đăng ký biển số 61G1-347.58. Ngày 23/3/2020, bà T13 cho bị cáo Y1 mượn làm P1 tiện đi cạo mủ. Ngày 26/3/2020 bị tạm giữ, P1 tiện không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả xe cho bị cáo Y1.

Xe mô tô biển số: 61P1-4701, số khung: RLCJ 5 B 9608 Y 047254, số máy: 5 B 960 47254 do ông Nguyễn Thanh Q1 mua và đăng ký. Năm 2012, ông Q1 bán xe cho ông

Nguyễn Đức S1 nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 26/3/2020, ông S1 cho bị cáo Q mượn xe để đi lại, không biết Q sử dụng đi đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả xe cho ông S1.

Xe mô tô biển số: 68L1-190.63, số khung: MH 8 DL 11 AZJJ 162160, số máy: DL18E 18208 do ông Võ Vũ L3 mua, đứng tên chủ sở hữu. Tháng 02/2020, ông L3 đã bán xe cho Huỳnh Văn T12 nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 26/3/2020, ông T12 cho bị cáo H1 mượn nhưng không biết H1 sử dụng xe đi đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả xe cho ông T12.

Xe mô tô biển số: 93H8-7639, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu S1: Đỏ - bạc, dung tích: 110, số khung: RLCS 5 C 6107 Y 044017, số máy: 5C 610 44017 do bị cáo Q1 mua nhưng nhờ bà Lê Thị N7 đứng tên. Ngày 26/3/2020, bị cáo Q1 sử dụng xe đi tuần tra trong lô cao su thấy có lặc T4 xiù và tham gia, đề nghị trả cho bị cáo Q1.

Xe mô tô biển số: 67D1-836.49, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE, màu S1: Xanh - đen - bạc, dung tích: 109, số khung: RLHIA 3904 HI 825526, số máy: JA 39 E 0805685 do bị cáo Nguyễn Văn C mua đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/3/2020, bị cáo C điều khiển xe đến chòi của T4 để mua thuốc lá, khi thấy đánh bạc vào tham gia, đề nghị trả cho bị cáo C.

Xe mô tô biển số: 70G1-358.53, nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: SMASH, màu S1: Xanh, dung tích: 110, số khung: RLSBE 49 L 060219659, số máy: E432 VN 219659 do bà Võ Thị M đứng tên chủ sở hữu. Tháng 7/2019, bà M bán cho bà Võ Thị Lan P1. Đặng Hùng A2 là chồng của bà Võ Thị Lan P1. Ngày 26/3/2020, Đặng Hùng A2 sử dụng xe đi đánh bạc thì bà P1 không biết. Đặng Hùng A2 đang bị truy nã, đề nghị tạm giữ xe để giải quyết sau.

Xe mô tô biển số: 61N3-7115, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS RC, màu S1: Xanh, dung tích: 110, số khung: RLCS 3 S 3106 Y 028123, số máy: 3S 31 028123 do bị cáo P1 mua, đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/3/2020, bị cáo P1 sử dụng xe đi đánh bạc, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xe mô tô biển số: 61C1-09855, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu S1: Đen - trắng, dung tích: 110, số khung: RLCS 5 C 640 BI 503081, số máy: 5C 64 503085 do ông Mai Tấn D3 mua, đứng tên chủ sở hữu. Tháng 3/2018, ông D3 bán xe cho một người không rõ lai lịch. Bà Lê Thị Kim O mua của một người không rõ lai lịch rồi cho bị cáo T9 mượn làm P1 tiện đi lại. Ngày 26/3/2020, bà O không biết T9 sử dụng xe đi đánh bạc, đề nghị trả cho bà O.

Xe mô tô biển số 61H9-9338, nhãn hiệu: DAMSAN, số loại: C100, màu S1: Nâu, dung tích: 97, số khung: 002705, số máy: 00002705 do ông Hồ Xuân V1 mua, đứng tên chủ sở hữu. Năm 2015, ông V1 bán xe nhưng không làm giấy tờ mua bán, không biết về lai lịch người mua xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không ai đến giải quyết, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xe mô tô biển số 61N1-132.24, nhãn hiệu: HONDA, SỐ LOẠI: FUTURE, màu S1: Đỏ - đen, dung tích: 125, số khung: RLHJC 7623 JZ 045007, số máy: JC 76 E 446907 của bị cáo V mua đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/3/2020, bị cáo V sử dụng xe đi mua thức ăn mang cho các bị cáo đánh bạc và trực tiếp đánh bạc, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xe mô tô biển số: Không, nhãn hiệu: Không, số loại: Cup 50, màu S1: Không, dung tích: Không, số khung: Không, số máy: Không thu giữ của bị cáo Võ Minh T6. Ngày

26/3/2020, bị cáo T6 sử dụng xe đến chòi của T4 để hỏi thuê lô cào mủ, khi thấy tại chòi của T4 có đánh bạc thì tham gia. Bị cáo T6 không yêu cầu nhận lại, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 1.500.000 đồng mà T4 nhận từ Đặng Hùng A2, số tiền 400.000 đồng T6 cho T4 và số tiền 700.000 đồng Y1 nhận từ Nguyễn Ngọc V là số tiền do phạm tội mà có, đề nghị buộc T4 và Y1 nộp lại sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Ngọc V nhận số tiền 2.500.000 đồng từ Đặng Hùng A2. Bị cáo V đưa cho bị cáo Nguyễn Văn T4 rồi bị cáo T4 đưa lại cho bị cáo Y1 giữ giùm. Sau đó, bị cáo V cho bị cáo Y1 số tiền 700.000 đồng, đề nghị buộc bị cáo V nộp lại số tiền 1.800.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo H lấy của bà Nguyễn Thị P3 cho C mượn để nhưng bà P3 không biết nên không đề nghị tịch thu.

Các bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng truy tố, không tranh luận và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T4 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định:

Ngày 26/3/2020, Đặng Hùng A2, Nguyễn Văn C, Võ Văn H, Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q, Lê Quang Q1, Nguyễn Văn P1, Võ Minh T6, Bùi Thanh T9, Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Ngọc V cùng nhau chơi lắc T4 xiu thắng thua với tổng số tiền 24.660.000 đồng. Trong đó:

Bị cáo Bùi Thanh T9 mang theo số tiền 11.800.000 đồng, sử dụng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc, còn số tiền 1.800.000 đồng cất trong bóp không sử dụng đánh bạc. Quá trình chơi thua hết số tiền 1.270.000 đồng, bị thu giữ số tiền 10.530.000 đồng.

Bị cáo Võ Minh T6 sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Sau khi thua hết, T6 mượn T4 số tiền 1.000.000 đồng và kêu T4 đặt cược giùm. T4 thắng được số tiền 1.400.000 đồng thì đưa toàn bộ số tiền 2.400.000 đồng cho T6. T6 cho T4 số tiền 400.000 đồng. T6 tiếp tục đánh bạc với số tiền 2.000.000 đồng còn lại và thua hết.

Bị cáo Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 360.000 đồng đánh bạc. Sau khi thua hết thì mượn bị cáo H số tiền 2.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc, không thắng không thua và đã trả lại cho H.

Bị cáo Võ Văn H sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, thua số tiền 300.000 đồng và bị thua giữ số tiền 700.000 đồng.

Bị cáo Lê Hoàng H1 sử dụng số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc. Sau khi đánh bạc thua hết và mượn của T9 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng tiếp tục đánh bạc và thua hết.

Bị cáo Lê Quang Q1 sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Q1 thắng số tiền 1.000.000 đồng và bị thu giữ số tiền 2.500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn P1 mang theo số tiền 1.790.000 đồng, P1 lấy ra 1.600.000 đồng để đánh bạc và thua hết, bị thu giữ số tiền 190.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Duy Q sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc và thua hết.

Bị cáo Đỗ Văn N mang theo số tiền 3.170.000 đồng, N sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 170.000 đồng cất trong cặp không sử dụng đánh bạc. Thua số tiền 100.000 đồng và bị thu giữ số tiền 3.070.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc V không thừa nhận thu tiền bảo từ Đặng Hùng A2, không thừa nhận việc gửi tiền cho T4 và cho tiền Y1, chỉ thừa nhận tham gia đánh bạc với số tiền 600.000 đồng và thua hết.

Bị cáo Nguyễn Văn T4 và bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 để cho Đặng Hùng A2, Nguyễn Văn C, Võ Văn H, Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q, Lê Quang Q1, Nguyễn Văn P1, Võ Minh T6, Bùi Thanh T9 và Nguyễn Ngọc V chơi lặt tài xỉu thắng thua bằng tiền nơi mình quản lý để bán nước uống, thuốc lá và được Đặng Hùng A2 cho tiền.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Bản cáo trạng số 37/CT-VKS-BTU ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H (C), Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q (B), Lê Quang Q1, Nguyễn Văn P1 (Cu), Võ Minh T6, Bùi Thanh T9 (Bảy) và Nguyễn Ngọc V (Tèo, Tèo đầu V) về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa P1, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc, gá bạc trái phép thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự như sau:

[7] Về vai trò, nhân thân của các bị cáo:

Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia đánh bạc là những người thực hành.

Bị cáo Nguyễn Văn P1 có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, bị cáo Nguyễn Ngọc V có nhân thân xấu.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo (Trừ bị cáo V) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[11] Các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H (Chín), Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q (B), Lê Quang Q1, Võ Minh T6, Bùi Thanh T9 (Bảy) phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[12] Bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo Nguyễn Văn T4 có ông ngoại tên Hồ Văn L4 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Nguyễn Quang Q1 được Xí nghiệp Liên dO Visorutex tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc năm 2013 và năm 2014 là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[13] Xét bị cáo Nguyễn Văn T4 phạm nhiều tội, bị cáo Nguyễn Ngọc V có nhân thân xấu và bị cáo Nguyễn Văn P1 có tiền sự về hành vi đánh bạc, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo T4, P1, V bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[14] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H, Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q, Lê Quang Q1, Võ Minh T6, Bùi Thanh T9, Đinh Thị Ngọc Y1 phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[15] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[16] Đối với 01 tấm bạt màu xanh, 09 hột xí ngầu, 01 cái đĩa sứ, 01 nắp nhựa quần băng keo đen, 06 hột xí ngầu các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy.

[17] Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng quần các hột xí ngầu sử dụng cho việc đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[18] Đối với 01 túi đeo màu đen, 01 bóp da, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 và số tiền 170.000 đồng không liên quan đến phạm tội, cần trả cho bị cáo N.

[19] Số tiền 100.000 đồng thu giữ trên giường gần vị trí đánh bạc là T4 sản liên quan đến đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[20] Đối với 01 điện thoại di động Nokia 6300 màu V thu giữ của bị cáo Đỗ Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Lê Hoàng H1, 01 điện thoại di động Nokia 1304 bị bể màn hình của bị cáo Nguyễn Văn P1 sử dụng liên lạc để đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[21] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu V, bị nứt màn hình và số tiền 1.800.000 đồng và 01 bóp da không liên quan đến phạm tội, cần trả cho bị cáo T9.

[22] Đối với số tiền 8.730.000 đồng thu giữ của bị cáo T9, số tiền 2.900.000 đồng thu giữ của bị cáo N, số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo H và số tiền 2.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Q1 sử dụng phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[23] Đối với các T4 sản không liên quan phạm tội cần trả lại:

Trả lại cho bị cáo Võ Minh T6 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen.

Trả lại cho bị cáo Lê Hoàng Q1 số tiền 10.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy Q 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Duy Q và 01 bóp da.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P1 số tiền 190.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Lê Quang Q1 01 điện thoại Redmi màu đen.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc V số tiền 79.473.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone.

[24] Xe mô tô biển số: 61G1-347.58, số khung: RLHJA 2709 DY 008401, số máy: JS27E 0008858 do bà Tạ Ngọc T13 mua, đăng ký biển số 61G1-347.58. Ngày 23/3/2020, bà T13 cho bị cáo Y1 mượn sử dụng làm P1 tiện đi cạo mủ đến ngày 26/3/2020 bị tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả lại cho bị cáo Y1 là phù hợp với quy định pháp luật.

[25] Xe mô tô biển số: 61P1-4701, số khung: RLCJ 5 B 9608 Y 047254, số máy: 5 B 960 47254 do ông Nguyễn Thanh Q1 mua, đăng ký biển số 61P1-4701. Năm 2012, ông Q1 bán cho Nguyễn Đức S1 nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 26/3/2020, ông S1 cho bị cáo Q mượn xe để đi lại, không biết Q sử dụng đi đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả xe cho ông S1 là phù hợp với quy định pháp luật.

[26] Xe mô tô biển số: 68L1-190.63, số khung: MH 8 DL 11 AZJJ 162160, số máy: DL18E 18208 do ông Võ Vũ L3 mua, đứng tên chủ sở hữu. Tháng 02/2020, ông L3 đã bán xe cho ông Huỳnh Văn T12 nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 26/3/2020, ông T12 cho bị cáo H1 mượn nhưng không biết H1 sử dụng xe đi đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện Bắc Tân Uyên đã trả xe cho ông T12 là phù hợp với quy định pháp luật.

[27] Xe mô tô biển số: 93H8-7639, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu S1: Đỏ - bạc, dung tích: 110, số khung: RLCS 5 C 6107 Y 044017, số máy: 5C 610 44017 do bị cáo Q1 mua nhưng nhờ bà Lê Thị N7 đứng tên. Ngày 26/3/2020, bị cáo Q1 sử dụng xe đi tuần tra trong lô cao su thấy có lặc T4 xỉu và tham gia, cần trả xe cho bị cáo Q1.

[28] Xe mô tô biển số: 67D1-836.49, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE, màu S1: Xanh - đen - bạc, dung tích: 109, số khung: RLHIA 3904 HI 825526, số máy: JA 39 E 0805685 do bị cáo Nguyễn Văn C mua đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/3/2020, bị cáo C điều khiển xe đến chòi của T4 để mua thuốc lá, khi thấy đánh bạc vào tham gia, cần trả lại cho bị cáo C.

[29] Xe mô tô biển số: 70G1-358.53, nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: SMASH, màu S1: Xanh, dung tích: 110, số khung: RLSBE 49 L 060219659, số máy: E432 VN 219659 do bà Võ Thị M đứng tên chủ sở hữu. Tháng 7/2019, bà M bán cho bà Võ Thị Lan P1. Đặng Hùng A2 là chồng của bà Võ Thị Lan P1. Ngày 26/3/2020, Đặng Hùng A2 sử dụng

xe đi đánh bạc thì bà P1 không biết. Đặng Hùng A2 đang bị truy nã, cần tạm giữ xe để giải quyết sau.

[30] Xe mô tô biển số: 61N3-7115, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS RC, màu S1: Xanh, dung tích: 110, số khung: RLCS 3 S 3106 Y 028123, số máy: 3S 31 028123 do bị cáo P1 mua, đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/3/2020, bị cáo P1 sử dụng xe đi đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[31] Xe mô tô biển số: 61C1-09855, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu S1: Đen - trắng, dung tích: 110, số khung: RLCS 5 C 640 BI 503081, số máy: 5C 64 503085 do ông Mai Tân D3 mua, đứng tên chủ sở hữu. Tháng 3/2018, ông D3 bán xe cho một người không rõ lai lịch. Bà Lê Thị Kim O mua của một người không rõ lai lịch rồi cho bị cáo T9 mượn làm P1 tiện đi lại. Ngày 26/3/2020, bà O không biết T9 sử dụng xe đi đánh bạc, cần trả lại cho bà O.

[32] Xe mô tô biển số 61H9-9338, nhãn hiệu: DAMSAN, số loại: C100, màu S1: Nâu, dung tích: 97, số khung: 002705, số máy: 00002705 do ông Hồ Xuân V1 mua, đứng tên chủ sở hữu. Năm 2015, ông V1 bán xe nhưng không làm giấy tờ mua bán, không biết về lai lịch người mua xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không ai đến giải quyết, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[33] Xe mô tô biển số 61N1-132.24, nhãn hiệu: HONDA, SỐ LOẠI: FUTURE, màu S1: Đỏ - đen, dung tích: 125, số khung: RLHJC 7623 JZ 045007, số máy: JC 76 E 446907 của bị cáo V mua đứng tên chủ sở hữu. Ngày 26/3/2020, bị cáo V sử dụng xe đi mua thức ăn mang cho các bị cáo đánh bạc và trực tiếp đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[34] Đối với xe mô tô biển số: Không, nhãn hiệu: Không, số loại: Cup 50, màu S1: Không, dung tích: Không, số khung: Không, số máy: Không thu giữ của bị cáo Võ Minh T6. Ngày 26/3/2020, bị cáo T6 sử dụng xe đến chòi của T4 để hỏi thuê lô cào mủ, khi thấy tại chòi của T4 có đánh bạc vào tham gia. Bị cáo T6 không yêu cầu nhận lại, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[35] Đặng Hùng A2 đưa cho bị cáo Nguyễn Văn T4 số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo Võ Minh T6 đưa cho bị cáo Nguyễn Văn T4 số tiền 400.000 đồng và bị cáo Nguyễn Ngọc V đưa cho Đinh Thị Ngọc Y1 số tiền 700.000 đồng, cần buộc bị cáo T4 và Y1 nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[36] Bị cáo Nguyễn Ngọc V nhận số tiền 2.500.000 đồng từ Đặng Hùng A2. Bị cáo V đưa lại cho bị cáo Nguyễn Văn T4 rồi bị cáo T4 đưa cho bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 giữ giùm. Sau đó, bị cáo V cho bị cáo Y1 số tiền 700.000 đồng nên cần buộc bị cáo V nộp lại số tiền 1.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[37] Số tiền 2.000.000 đồng Võ Văn H lấy của bà Nguyễn Thị P3 cho bị cáo C mượn để tham gia chơi tài xỉu sau đó đã trả lại cho bà P3. Xét thấy, bà P3 không biết bị cáo H lấy để cho bị cáo C đánh bạc nên Hội đồng xét xử không tịch thu.

[38] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[39] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H (C), Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q (B), Lê Quang Q1, Võ Minh T6, Bùi Thanh T9 (Bảy).

Căn cứ Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc V (Tèo, Tèo đầu V).

Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn P1 (C).

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đinh Thị N Y1.

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58, khoản 1 Điều 321 và điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T4.

Căn cứ các Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Căn cứ các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H (C), Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q (B), Lê Quang Q1, Nguyễn Văn P1 (C), Võ Minh T6, Bùi Thanh T9 (B) và Nguyễn Ngọc V (T, Tèo đầu V) phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T4 phạm tội “Đánh bạc” và tội “Gá bạc”.

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 phạm tội “Gá bạc”.

1.2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Võ Văn H (C) số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng H1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q (B) số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Võ Minh T6 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê Quang Q1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T9 số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 (Cu) 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V (T, Tèo đầu V) 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” và 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 26/3/2020 đến ngày 05/4/2020.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

01 tấm bạt màu xanh, 09 hột xí ngầu, 01 cái đĩa sứ, 01 nắp nhựa quán băng keo đen, 06 hột xí ngầu.

2.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng (Năm nghìn đồng) và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (Một nghìn đồng) quán các hột xí ngầu.

Số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) trên giường gần vị trí đánh bạc.

01 điện thoại di động Nokia 6300 màu vàng của bị cáo Đỗ Văn N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Lê Hoàng H1, 01 điện thoại di động Nokia 1304 bị bể màn hình của bị cáo Nguyễn Văn P1.

Số tiền 8.730.000 đồng (Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Bùi Thanh T9, số tiền 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Đỗ Văn N, số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Võ Văn H và số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lê Quang Q1.

Xe mô tô biển số: 61N3-7115, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS RC, màu S1: Xanh, dung tích: 110, số khung: RLCS 3 S 3106 Y 028123, số máy: 3S 31 028123.

Xe mô tô biển số 61H9-9338, nhãn hiệu: DAMSAN, số loại: C100, màu S1: Nâu, dung tích: 97, số khung: 002705, số máy: 00002705.

Xe mô tô biển số 61N1-132.24, nhãn hiệu: HONDA, SỐ LOẠI: FUTURE, màu S1: Đỏ - đen, dung tích: 125, số khung: RLHJC 7623 JZ 045007, số máy: JC 76 E 446907.

Xe mô tô biển số: Không, nhãn hiệu: Không, số loại: Cup 50, màu S1: Không, dung tích: Không, số khung: Không, số máy: Không.

2.3. Trả lại các tài sản sau:

Trả cho bị cáo Đỗ Văn N 01 túi đeo màu đen, 01 bóp da, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Văn N và số tiền 170.000 đồng (Một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trả cho bị cáo Bùi Thanh T9 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng, bị nứt màn hình và số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và 01 bóp da.

Trả cho bị cáo Võ Minh T6 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

Trả cho bị cáo Lê Hoàng H1 số tiền 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

Trả cho bị cáo Nguyễn Duy Q 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy Q và 01 bóp da.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn P1 số tiền 190.000 đồng (Một trăm chín mươi nghìn đồng).

Trả cho bị cáo Lê Quang Q1 01 điện thoại Redmi màu đen.

Trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc V số tiền 79.473.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và 01 điện thoại di động Iphone.

Trả cho bị cáo Lê Quang Q1 xe mô tô biển số: 93H8-7639, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu S1: Đỏ - bạc, dung tích: 110, số khung: RLCS 5 C 6107 Y 044017, số máy: 5C 610 44017.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn C xe mô tô biển số: 67D1-836.49, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE, màu S1: Xanh - đen - bạc, dung tích: 109, số khung: RLHIA 3904 HI 825526, số máy: JA 39 E 0805685.

Trả cho bà Lê Thị Kim O xe mô tô biển số: 61C1-09855, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu S1: Đen - trắng, dung tích: 110, số khung: RLCS 5 C 640 BI 503081, số máy: 5C 64 503085.

2.4. Tạm giữ xe mô tô biển số: 70G1-358.53, nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: SMASH, màu S1: Xanh, dung tích: 110, số khung: RLSBE 49 L 060219659, số máy: E432 VN 219659 để xử lý sau khi bắt được Đặng Hùng A2.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên).

(Số tiền 96.573.000 đồng tại Giấy nộp tiền vào T4 khoản số 3949.0.1119985.00000 ngày 25/5/2020 tại Kho bạc Nhà nước Bắc Tân Uyên).

2.5. Buộc các bị cáo nộp lại số tiền để sung quỹ Nhà nước:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T4 nộp lại số tiền 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đinh Thị Ngọc Y1 nộp lại số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V nộp lại số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Võ Văn H (Chín), Lê Hoàng H1, Đỗ Văn N, Nguyễn Duy Q (B), Lê Quang Q1, Nguyễn Văn P1, Võ Minh T6, Bùi Thanh T9 (B) và Nguyễn Ngọc V (T, Tèo đầu V), Nguyễn Văn T4 và Đinh Thị Ngọc Y1; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Công an huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính

- Lưu: VP, HSVA.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bồ Quốc K1

Võ Phi Anh Toàn

Hồ Thế Chính

